TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 03 - 2023
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Trường An
Ông Nguyễn Trường Hận

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc "Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt); Chổ ở hiện nay: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Nguyễn Chí T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chổ ở hiện nay: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2023 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

- Về hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (theo giấy chứng nhận kết hôn số 26/2019, ngày 25.01.2019). Quá trình chung sống có 1 con chung tên Nguyễn Chí T1, sinh ngày 19/11/2019, (con chung hiện chị H đang nuôi dạy).

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, xét thấy không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với Nguyễn Chí T.

Về tài chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Chí T1 sinh ngày 19.11.2019 (do T1 hiện nay bị bệnh bẩm sinh "Bất hậu môn không dò", yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng và đồng thời trợ cấp 1 lần để phẫu thuật là 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị H yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Nguyễn Chí T:

Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần để hòa giải nhưng bị đơn không có mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn và bị đơn củng không có ý kiến phản hồi về việc khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc *"Ly hôn và nuôi con",* nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục của Tòa án:* Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn vắng mặt không rỏ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị H và anh T không làm được điều đó mà ngược lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đã xác định không còn hạnh phúc với anh T. Đối với bị đơn anh T Tòa án đã triệu tập 2 lần để hòa giải nhưng anh T không có mặt và củng không có ý kiến gì về việc chị H xin ly hôn, như vậy chứng tỏa anh T không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng với chị H. Do đó xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T không có thiện chí hàn gắn được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

[5] *Xét về con chung:* Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Chí T1, sinh ngày 19/11/2019, từ ngày chị H và anh T sống ly thân với nhau cháu T1 được chị H nuôi dạy và chị H yêu cầu được nuôi cháu T1. Hơn nữa cháu T1 đang mắt bệnh bẩm sinh "Bất hậu môn không

dò" cần phải có người chăm sóc cho cháu. Do đó chấp nhận giao cháu Nguyễn Chí T1 cho chị H nuôi dạy là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng theo quy định của pháp luật. Xét thấy sau khi chị H và anh T ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với anh thịnh không trực tiếp nuôi cháu T1, nên cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật mỗi tháng là 1.500.000 đồng là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc thăm mon chăm sóc con chung: Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của cháu T1 được sống với chị H là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét về yêu cầu trợ cấp do khó khăn, một lần là 10.000.000 đồng: Do cháu Nguyễn Chí T1 bị bệnh bẩm sinh về "Bất hậu môn không dò" cần phải nhập viện để mỗ, có "giấy tạm ứng" tiền để mỗ cho cháu T1 là 8.000.000 đồng. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh T biết việc chị H yêu cầu trợ cấp 10.000.000 đồng để trị bệnh cho cháu T1, nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia hòa giải và cũng không có ý kiến phản hồi về vấn đề này, nên xem như anh T mặc nhiên chấp nhận yêu cầu của chị H. Do đó xét thấy việc yêu cầu của chị H là có sơ nên chấp nhận, cần buộc bị đơn anh Nguyễn Chí T trợ cấp một lần cho chị H để điều trị bệnh cho cháu T1 là 10.000.000 đồng là phù hợp với Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Do nguyên đơn cho rằng tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung và nợ chung ra khi nào các đương sự yêu cầu mà có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[8] *Xét về án phí:* Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh T phải nộp án phí về cấp dưỡng là 300.000 đồng và 5% án phí có gía ngạch về trợ cấp một lần cho chị H là phù hợp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 115 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Ngọc H.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc H và anh Nguyễn Chí T.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Ngọc H có trách nhiệm nuôi cháu Nguyễn Chí T1, sinh ngày 19/11/2019 (cháu T1 hiện chị H đang trực tiếp nuôi dạy). Anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 23.03.2023, mỗi tháng cấp 1 lần vào ngày đầu tháng.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai ngăn cản anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của cháu T1 được sống với chị H.

Buộc anh Nguyễn Chí T trợ cấp 1 lần cho chị Lê Thị Ngọc H để điều trị bệnh cho cháu T1 là 10.000.000 đồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị H đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0005999 ngày 9/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ. Anh Nguyễn Chí T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng và 500.000 đồng án phí trợ cấp cho chị H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Từ Thanh Nhung